

BỘ Y TẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC  
HẢI PHÒNG

Số: 683/YDHP-VTTTB  
V/v mời báo giá hoá chất nguyên  
vật liệu phục vụ nghiên cứu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 02 tháng 7 năm 2025

Kính gửi: Quý đơn vị

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới Quý đơn vị.

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng hiện đang có nhu cầu mua hoá chất nguyên vật liệu phục vụ cho nghiên cứu, thông tin cụ thể như sau:

| STT | Tên nguyên, vật liệu                             | Chỉ tiêu Kỹ thuật                                                                     | Đơn vị tính                      | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------|
| 1   | Plasmid Lenti CRISPR V2                          | 20 µg, up to 20 transfections<br>Provided as transfection-ready, purified plasmid DNA |                                  | 1        |
| 2   | NEB® 5-alpha Competent E. coli (High Efficiency) | Hiệu suất chuyển đổi: >1 x 10 <sup>8</sup> cfu/µg                                     | Tube 20 x 0.05 ml                | 1        |
| 3   | LB Broth (Luria low salt)                        | Tinh khiết > 97%                                                                      | Lọ 250g                          | 1        |
| 4   | Kit tách Plasmid GeneAll Exprep Plasmid SV       | Up to 30 µg                                                                           | Kit 50 reactions                 | 1        |
| 5   | Enzyme BsmBI-v2                                  | Tinh khiết > 97%                                                                      | Tube 200 units (10,000 units/ml) | 1        |
| 6   | Agarose SERVA for DNA electrophoresis            | Tinh khiết > 97%                                                                      | Lọ 100g                          | 1        |
| 7   | TBE Buffer 10X                                   | Trong suốt 1X buffer TBE có chứa: 40mM Tris, 20mM Acetate và 1mM EDTA (pH 8.6)        | 2x 500ml                         | 1        |
| 8   | DNA Ladder 100 bp (kèm 1 ống loading dye)        | Tinh khiết > 99%                                                                      | 100 lần gel                      | 1        |
| 9   | DNA Ladder 1 kb (kèm 1 ống loading dye)          | Tinh khiết > 97%                                                                      | 200 lần gel                      | 1        |

|    |                                                                                                     |                                                                                                     |                      |   |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---|
| 10 | Thuốc nhuộm gel an toàn<br>DyeAll™ Staining<br>Solution (20,000X)                                   | Tinh khiết > 97%                                                                                    | lọ 1ml               | 1 |
| 11 | Gel extraction kit<br>(GeneAll Expin™ Gel<br>SV)                                                    | Tỉ lệ phục hồi : 95%                                                                                | 50 test              | 1 |
| 12 | Ligation Mix<br>(NEBridge® Ligase<br>Master Mix)                                                    | Tinh khiết > 99%, tỉ lệ nối<br>>95%                                                                 | 50<br>reactions      | 1 |
| 13 | Puromycin<br>Dihydrochloride                                                                        | Tinh khiết > 99%                                                                                    | 10 x 1 mL            | 1 |
| 14 | X-tremeGENE™ HP<br>DNA Transfection<br>Reagent (tạo hạt virus)                                      | Tinh khiết > 97%                                                                                    | 1ml                  | 1 |
| 15 | Dòng tế bào bắt tử APC                                                                              |                                                                                                     | Tube                 | 1 |
| 16 | DMEM, high glucose                                                                                  | <b>With:</b> High Glucose, L-<br>glutamine, Phenol Red<br><b>Without:</b> Sodium Pyruvate,<br>HEPES | lọ 500ml             | 2 |
| 17 | Trypan Blue Solution,<br>0.4%                                                                       | Tinh khiết > 97%                                                                                    | 100 mL               | 1 |
| 18 | Mastermix chạy<br>RealtimePCR<br>Luna® Universal qPCR<br>Master Mix (SYBR™<br>Green PCR Master Mix) | Tinh khiết > 97%                                                                                    | Kit 200<br>reactions | 2 |
| 19 | Cặp môi                                                                                             | Tinh khiết > 99%                                                                                    | 50 nu/cặp            | 5 |
| 20 | DMEM/F-12,<br>GlutaMAX™ supplement                                                                  | High Glucose, GlutaMAX,<br>Phenol Red, Sodium<br>Pyruvate, No HEPES                                 | Chai 500<br>mL       | 1 |
| 21 | L Glutamine (200nM)                                                                                 | 200 mM, solution, sterile-<br>filtered, BioXtra, suitable for<br>cell culture                       | Chai 100<br>mL       | 1 |
| 22 | Fetal Bovine Serum,<br>qualified, Brazil                                                            | FBS Classic, ≤10 EU/mL<br>endotoxin, Hemoglobin,<br>≤25 mg/dL                                       | Chai 500<br>mL       | 1 |
| 23 | Penicillin-Streptomycin<br>(10,000 U/mL)                                                            | Tinh khiết > 99%                                                                                    | Chai 100<br>mL       | 1 |
| 24 | DPBS, no calcium, no<br>magnesium                                                                   | Tinh khiết > 99%                                                                                    | Chai 500<br>mL       | 3 |





|    |                                                     |                                                     |               |    |
|----|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------|----|
| 25 | Trypsin-EDTA (0.25%), phenol red                    | Phenol Red, EDTA, pH: 7.1 to 8                      | Chai 100 mL   | 1  |
| 26 | Đầu col 10μl có màng lọc và đã khử trùng            | Không gây sốt<br>Không chứa DNase/RNase<br>Vô trùng | Hộp           | 10 |
| 27 | Đầu col 200μl có màng lọc và đã khử trùng           | Không gây sốt<br>Không chứa DNase/RNase<br>Vô trùng | Hộp           | 10 |
| 28 | Đầu côn 1000μl có màng lọc và đã khử trùng          | Không gây sốt<br>Không chứa DNase/RNase<br>Vô trùng | Hộp           | 10 |
| 29 | Găng tay                                            | Không bột tale                                      | Hộp           | 25 |
| 30 | Khẩu trang                                          | Kháng khuẩn, chống nấm                              | Hộp           | 25 |
| 31 | Ống eppendorf 1,5ml                                 | Không gây sốt<br>Không chứa DNase/RNase<br>Vô trùng | Hộp 500c      | 5  |
| 32 | Ống PCR 0,2ml                                       | Không gây sốt<br>Không chứa DNase/RNase<br>Vô trùng | Hộp 1000c     | 5  |
| 33 | Ống fancol 15ml tiết trùng                          | Không gây sốt<br>Không chứa DNase/RNase<br>Vô trùng | Thùng 100 ống | 6  |
| 34 | Ống fancol 50ml tiết trùng                          | Không gây sốt<br>Không chứa DNase/RNase<br>Vô trùng | Thùng 100 ống | 6  |
| 35 | Tube đựng máu nắp xanh (EDTA)                       |                                                     | Hộp 100 ống   | 3  |
| 36 | Hộp nhựa lưu mẫu 81 vị trí                          | Không gây sốt<br>Không chứa DNase/RNase<br>Vô trùng | Hộp           | 20 |
| 37 | Đĩa nuôi cấy tế bào 6 giếng tiết trùng, TC treated  | Không gây sốt<br>Không chứa DNase/RNase<br>Vô trùng | Thùng 50c     | 5  |
| 38 | Đĩa nuôi cấy tế bào 12 giếng tiết trùng, TC treated | Không gây sốt<br>Không chứa DNase/RNase<br>Vô trùng | Thùng 50c     | 5  |
| 39 | Đĩa nuôi cấy tế bào 48 giếng tiết trùng, TC treated | Không gây sốt<br>Không chứa DNase/RNase<br>Vô trùng | Thùng 50c     | 2  |
| 40 | Đĩa nuôi cấy tế bào 96 giếng tiết trùng, TC treated | Không gây sốt<br>Không chứa DNase/RNase<br>Vô trùng | Thùng 50c     | 5  |



|    |                                                            |                                                                        |            |   |
|----|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------|---|
| 41 | Đĩa petri size 10 (nuôi vi khuẩn)                          | Không gây sốt<br>Không chứa DNase/RNase<br>Vô trùng                    | Thùng 500c | 3 |
| 42 | Nunc™ Serological Pipettes, 5 mL                           | Không gây sốt<br>Không chứa DNase/RNase<br>Vô trùng                    | 200 cái    | 2 |
| 43 | Nunc™ Serological Pipettes, 10 mL                          | Không gây sốt<br>Không chứa DNase/RNase<br>Vô trùng                    | 200 cái    | 2 |
| 44 | Nunc™ 50mL Conical Sterile Polypropylene Centrifuge Tube   | Không gây sốt<br>Không chứa DNase/RNase<br>Vô trùng                    | 500 cái    | 2 |
| 45 | Nunc™ 15mL Conical Sterile Polypropylene Centrifuge Tube   | Không gây sốt<br>Không chứa DNase/RNase<br>Vô trùng                    | 500 cái    | 1 |
| 46 | T75 EasYFlask, Non-Treated Surface, Filter Cap, Pack of 5  | Không gây sốt<br>Không chứa DNase/RNase<br>Vô trùng, có bộ lọc nắp đĩa | 100 cái    | 1 |
| 47 | T175 EasYFlask, Non-Treated Surface, Filter Cap, Pack of 5 | Không gây sốt<br>Không chứa DNase/RNase<br>Vô trùng, có bộ lọc nắp đĩa | 30 cái     | 1 |

**Địa điểm và thời gian nhận hồ sơ:**

- Địa điểm nhận báo giá: Phòng Vật tư trang thiết bị, tầng 1, Nhà A, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, số 72A Nguyễn Bình Khiêm, phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng.
- Báo giá điện tử gửi qua địa chỉ Email: [ptloc@hpmu.edu.vn](mailto:ptloc@hpmu.edu.vn) hoặc [nttung@hpmu.edu.vn](mailto:nttung@hpmu.edu.vn) (Yêu cầu bản scan có đóng dấu của đơn vị báo giá).
- Số điện thoại liên hệ: 0943839666
- Thời điểm gửi báo giá chậm nhất: Trước 17h00 ngày 14/7/2025;

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng kính mời các đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia chào giá. Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý đơn vị./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, Đề tài.



**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS Nguyễn Văn Khải**